

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐO LƯỜNG

(Metrology Advisory Joint Stock Company)

Add: 22A Ngõ 294 Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội

Tel: 04 3846 1326

Fax: 04 3726 4694

Email: Tuvandoluong294@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): CN4.M.459.15

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ đo áp suất

Kiểu (Type): Lò xo/ Bourdon

Số (Serial №): M.459.15

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Đài Loan

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 600) kgf/cm²

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Kiến Quốc

Phương pháp thực hiện (In accordance with): M.20.10

Đồng hồ áp suất – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): M.TB - Loadcell $U = 0,3 \times 10^{-2}$

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration due): 10 - 04 - 2016

Ngày 10 tháng 04 năm 2015

(Date of Calibration)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of the calibration Laboratory)

Ngô Hưng Phong

Giám đốc

(Director)

GIÁM ĐỐC

Ngô Việt Hùng

Trang: 1/2
(Nº of pages)

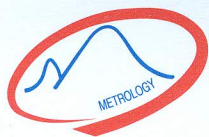
Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần Tư vấn Đo lường

(This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Metrology.,Jsc)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(Calibration results)

TT	Mức đo áp suất		Số chỉ trên đồng hồ
	MPa	kG/cm ²	kG/cm ²
01	10	102,2	101,4
02	20	204,4	205,2
03	30	306,5	308,8
04	40	408,7	412,3
05	50	510,9	516,2

*Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 28 °C
Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U = 0,7 \times 10^{-2}$
Hệ số phủ $k = 2$ với mức tin cậy $P = 95\%$



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐO LƯỜNG
(Metrology Advisory Joint Stock Company)
Add: 22A Ngõ 294 Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội
Tel: 04 3846 1326 Fax: 04 3726 4694
Email: Tuvandoluong294@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (Calibration Certificate)

Số (№): CN5.M.818.15

Tên phương tiện đo (Object):

Kích thủy lực

Kiểu (Type): Thủy lực

Số (Serial №): K-KQ 4387

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 200) kN

Cơ sở sử dụng (Customer):

Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Kiến Quốc

Phương pháp thực hiện (In accordance with):

ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Loadcell NH 250

Đầu đo (Loadcells) được kết nối với VMI có $U = 0,19 \times 10^{-2}$

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

Kết quả (Results):

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration due):

10 - 04 - 2016

Ngày 10 tháng 04 năm 2015

(Date of Calibration)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of the calibration Laboratory)

Ngô Hưng Phong

Giám đốc

(Director)



GIÁM ĐỐC

Ngô Việt Hùng

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty cổ phần Tư vấn Đo lường
(This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Metrology.,Jsc)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(Calibration results)

TT	Lực đo (kN)	Số chỉ trên đồng hồ (kG/cm ²)
01	0	0,0
02	30	107,0
03	40	141,6
04	50	175,4
05	60	208,8
06	70	243,6
07	80	276,6
08	90	310,5
09	100	344,4
10	110	377,3
11	120	411,6
12	130	444,2
13	140	478,3
14	150	511,0
15	160	545,1

$f(x) = 0,000017 x^2 + 0,285 x$ $f(x)$ là lực nén, x là số chỉ trên đồng hồ

* Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): 28 °C.

Với độ không đảm bảo đo mở rộng (With the uncertainty of): $U = 1,1 \times 10^{-2}$

Hệ số phủ $k = 2$ với mức tin cậy $P = 95\%$